1. Usecase nghiệp vụ
2. Mô tả vắn tắt các nghiệp vụ

Mua sản phẩm:

* Khách hàng yêu cầu nhân viên hỗ trợ về sản phẩm mình cần mua.
* Nhân viên kiểm tra thông tin yêu cầu của khác hàng.
* Nếu không có đúng sả phẩm mà khách hàng cần, nhân viên giới thiệu những sản phẩm khác cùng chủ đề, và vị trí đặt sản phẩm đó trong cửa hang.
* Khách hàng tìm sản phẩm mình cần mua.
* Ra quầy thanh toán.
* Nhân viên lưu lại thông tin về khách hàng và làm hóa đơn cho khách.

Đặt hàng:

* Khách hàng đến cửa hàng và yêu cầu đặt hàng.
* Nhân viên phổ biến cho khách hàng về việc đặt hàng (phải đặt cọc trước, nếu một trong hai bên không thực hiện đơn đặt hàng thì sẽ bị phạt bao nhiêu % đơn đặt hàng…).
* Nhân viên yêu cầu khách cung cấp thông tin sản phẩm.
* Khách hàng cung cấp thông tin về sản phẩm cần đặt.
* Nhân viên kiểm tra thông tin tình trạng sản phẩm.
* Nếu cửa hàng không có khả năng, khách hàng không đặt mua được sản phẩm.
* Nếu cửa hàng có khả năng, nhân viên yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin để làm đơn đặt hàng:

+ Thông tin cá nhân.

Hình thức thanh toán khi đã nhận đủ sách

Khoản tiền đặt cọc trước

Thời gian và địa điểm giao sách

Hình thức thanh toán khi đã nhận đủ sách

Khoản tiền đặt cọc trước

+ Thời gian và địa điểm giao hàng.

+ Hình thức thanh toán khi đã nhận hàng.

+ Khoản tiền dặt cọc trước.

Thời gian và địa điểm giao sách

+ Hình thức thanh toán khi đã nhận đủ sách

+ Khoản tiền đặt cọc trước

* Khách hàng giao cho nhân viên tiền đặt cọc.
* Nhân viên nhận tiền đặt cọc.
* Cả nhân viên và khách hàng cùng xác nhận vào đơn đặt hàng.
* Nhân viên trao cho khách hàng một bản đơn đặt hang.
* Nhân viên lưu thông tin về đơn đặt hàng cho hệ thống.

+ Thông tin cá nhân (họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, chứng minnhân dân….)

Thanh toán:

* Khách hàng yêu cầu thanh toán cho nhân viên.
* Nhân viên lưu mã sản phẩm và thông tin khách hàng để làm hóa đơn.
* Khách hàng trả tiền theo hóa đơn.
* Nhân viên nhận tiền và giao cho khách hàng hóa đơn.
* Nhân viên lưu lại toàn bộ giao dịch.

Hủy đặt hàng:

* Khách hàng thông báo cho cửa hang khi không có mua sản phẩm đã đăt hoặc cửa hàng không đáp ứng được đơn đặt hang của khách hàng.
* Nhân viên nhận yêu cầu hủy đặt hang từ khách.
* Nhân viên kiểm tra thông tin đặt hàng.
* Nhân viên tính toán số tiền phạt (khách hang hoặc cửa hang).
* Nếu khách hàng hủy đặt hàng.
* Nhân viên trả tiền đặt cọc cho khách.
* Khách trả tiền phạt.
* Nhân viên nhận tiền phạt.
* Nếu cửa hàng hủy đặt hàng.
* Nhân viên trả tiền đặt cọc và tiền phạt cho khách.
* Khách hàng nhận tiền.
* Nhân viên lập biên bản hủy đơn đặt hàng và xóa đơn đặt hàng.
* Nhân viên giao biên bản hủy đơn đặt hàng cho khách.
* Nhân viên lưu lại giao dịch.

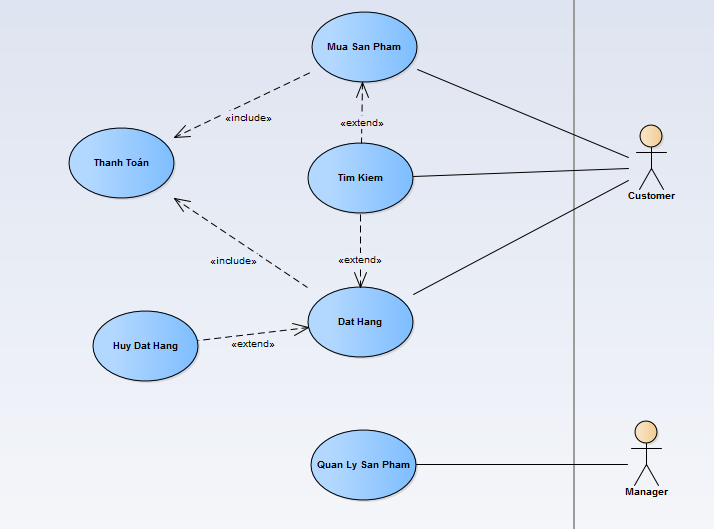
Tìm sản phẩm:

* + Khách hàng nói với nhân viên sách mình cần tìm.
  + Nhân viên tra cứu và cung cấp thông tin về sách đó (của hàng có sách đó hay không, giá cả, vị trí đặt trong cửa hàng) thông qua hệ thống.
  + Khách hàng đến vị trí được hướng dẫn để tìm sách.

Quản lý sản phẩm:

Gồm thêm sản phẩm, chỉnh sửa thông tin sản phẩm, xóa thông tin sản phẩm:

1. Sơ đồ usecase



1. Mô tả usecase
2. Mua sản phẩm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use-Case: Mua sản phẩm | ID: 1 | Mức quan trong: Cao |
| Tác nhân chính: Khách hàng | Loại Use-Case: | |
| Người liên quan và công việc quan tâm:  Khách hàng: muốn mua sản phẩm theo nhu cầu của các nhân. | | |
| Mô tả tóm tắt: Use-case này mô tả quá trình mua sản phẩm tại cửa hàng của 1 khách hàng. | | |
| Ràng buộc: Khách hàng muốn mua sản phẩm.  Loại: Bên ngoài | | |
| Các mối kết hợp:  1. Bao quát: Thanh toán.  2. Kết hợp: Không có.  3. Mở rộng: Tìm sản phẩm.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | |
| Các dòng sự kiện tổng quát chính:  1. Khách hàng yêu cầu hỗ trơ về sản phẩm cần mua.  2. Nhân viên kiểm tra hộ khách hàng.  3. Khách hàng tìm đến vị trí của sản phẩm cần mua.  4. Thanh toán  5. Lưu lại thong tin khách hàng và làm hóa đơn. | | |
| Các dòng sự kiện chi tiết chính: | | |
| Các dòng sự kiện ngoại lệ:  2a. Nếu không có sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, nhân viên sẽ giới thiệu những sản phẩm tương ứng và vị trí của chúng cho khách. | | |

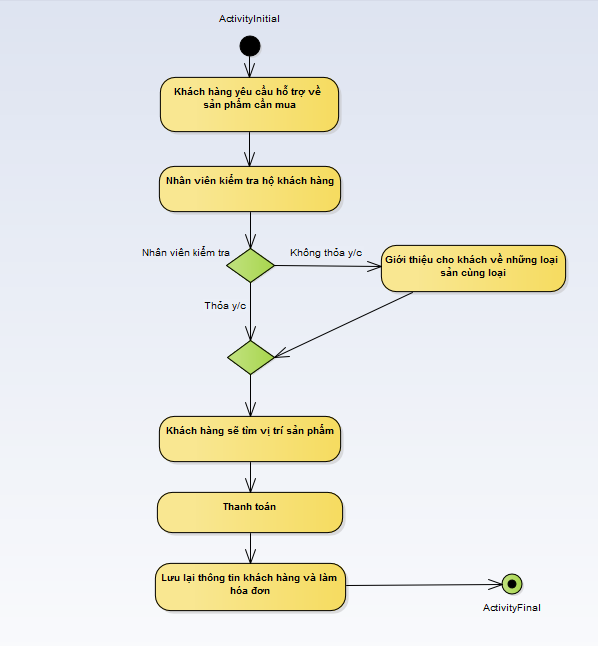
1. Đặt hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use-Case: Đặt hàng | ID: 2 | Mức quan trong: Cao |
| Tác nhân chính: Khách hàng | Loại Use-Case: | |
| Người liên quan và công việc quan tâm:  Khách hàng: muốn đặt mua những sản phẩm cần thiết. | | |
| Mô tả tóm tắt: Use-case mô tả quá trình đặt mua hàng của khách. | | |
| Ràng buộc: Khách hàng đặt mua hàng.  Loại: Bên ngoài. | | |
| Các mối kết hợp:  1. Bao quát: Thanh toán.  2. Kết hợp: Không có.  3. Mở rộng: Tìm kiếm.  4. Tổng quát hóa: Không có. | | |
| Các dòng sự kiện tổng quát chính:  1. Khách hàng yêu cầu dặt hàng.  2. Nhân viên phổ biến nội quy đặt hàng cho khách.  3. Nhân viên yêu cầu cung cấp thong tin sản phẩm.  4. Khách hàng cung cấp thông tin sản phẩm.  5. Nhân viên kiểm tra tình trạng sản phẩm.  6. Nhân viên yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin cá nhân.  7. Khách hàng giao tiền đặt cọc.  8. Nhân viên nhận tiền đặt cọc.  9. Nhân viên và khách hàng xác nhận đặt hàng.  10. Nhân viên đưa cho khách hàng 1 hóa đơn.  11. Nhân viên lưu lại giao dịch. | | |
| Các dòng sự kiện chi tiết chính: | | |
| Các dòng sự kiện ngoại lệ:  5a. Nếu không có sản phẩm thì khách hàng không đặt hàng được. | | |

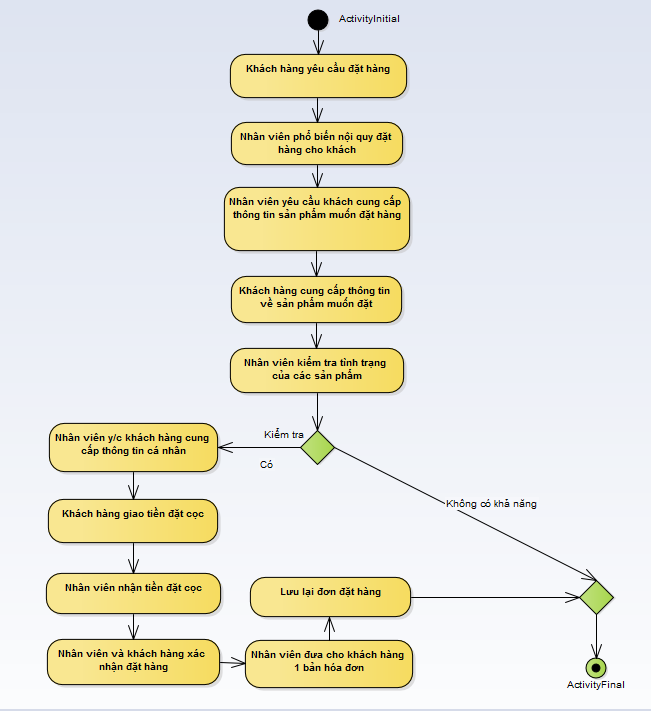
1. Thanh toán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use-Case: Thanh toán | ID: 3 | Mức quan trong: Cao |
| Tác nhân chính: Khách hàng | Loại Use-Case: | |
| Người liên quan và công việc quan tâm:  Khách hàng: muốn thanh toán. | | |
| Mô tả tóm tắt: Use-case này mô tả quá trình thanh toán của khách hàng. | | |
| Ràng buộc: Khách hàng yêu cầu thanh toán  Loại: | | |
| Các mối kết hợp:  1. Bao quát: không có.  2. Kết hợp: không có.  3. Mở rộng:không có.  4. Tổng quát hóa: không có. | | |
| Các dòng sự kiện tổng quát chính:  1. Khách hàng yêu cầu thanh toán.  2. Nhân viên lấy mã sản phẩm và thông tin khách hàng để làm hóa đơn.  3. Khách hàng trả tiền.  4. Nhân viên nhận tiền và giao hóa đơn.  5. Nhân viên lưu lại toàn bộ giao dịch. | | |
| Các dòng sự kiện chi tiết chính: | | |
| Các dòng sự kiện ngoại lệ: | | |

1. Activity Diagram
2. Mua sản phẩm



1. Đặt hàng



1. Thanh toán

